

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2020/DSPT

Ngày: 22 - 12 - 2020.

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Dân.

*Các thẩm phán:* Ông Hoàng Kim Khánh, bà Nguyễn Thị Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ dân sự thụ lý số: 237/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn T - Sinh năm 1961, bà Nguyễn Thị C - Sinh năm 1964. Đều có mặt.

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Trương Văn L - Sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

**1.** Bà Trịnh Thị D - Sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**2.** Bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V.

Địa chỉ: Thôn 01, xã C, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**3.** Ông Võ Quốc B - Sinh năm 1972. Có mặt, bà Trần Thị T. Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**4.** Bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn V1. Đều vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Năm 2004 gia đình ông bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn V1, trú tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, 01 lô đất chiều ngang 04m, chiều dài 93m, địa chỉ thửa đất thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận chuyển nhượng đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 473033 ngày 15/3/2005 cho hộ ông Vũ Văn T, thuộc thửa đất số 256b, tờ bản đồ số 21a, diện tích 372m<sup>2</sup> (Trong đó có 100m<sup>2</sup> đất thổ cư, 272m<sup>2</sup> đất nông nghiệp). Do chưa có điều kiện nên gia đình ông bà chưa xây nhà, đầu năm 2018 gia đình ông bà đến đo đạc lại đất để xây nhà thì phát hiện đất bị thiếu, chiều ngang mặt đường phía trước còn 3,5m (thiếu 0,5m), chiều dài 93m, chiều ngang phía sau cuối lô đất là 2,1m (thiếu 1,9m), là do nhà xây của ông Trương Văn L hiện nay đang ở đã xây chồng lên một phần đất của ông bà. Vì vậy, ông bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn L, bà Trịnh Thị D trả lại cho gia đình ông bà diện tích đất đã bị mất khoảng 100m<sup>2</sup>, giá trị tài sản thiệt hại khoảng 50.000.000đồng.

Ông Vũ Văn T cho rằng chữ viết và chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/12/2004 với ông Võ Quốc B không phải là chữ viết và chữ ký của ông T. Cuối năm 2004 ông mua đất của bà Nguyễn Thị L1 04m đất mặt đường, chiều dài 93m, giáp nhà xây của ông B (Nay là của ông Nguyễn Văn N1 là điểm chết không thay đổi, bất di bất dịch), một bên giáp đất của ông B đang bỏ hoang (Hiện nay là đất của ông Trương Văn L) với giá tiền là 60.000.000đồng, hai bên chỉ làm giấy viết tay, không có chứng nhận của chính quyền địa phương, sau đó ông đã giao đủ tiền cho bà L1, ông V1 và nhận giấy chứng nhận QSD đất, đo đạc cắm mốc, có ông Võ Quốc B chứng kiến.

Nay ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn L, bà Trịnh Thị D trả lại cho gia đình ông bà diện tích đất đã bị mất khoảng 100m<sup>2</sup> (Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 1 rộng 0,15m; Phía Đông giáp đất ông L, bà D dài 95m; Phía Nam giáp đất ông Võ Quốc V rộng 1,80m).

*\* Bị đơn ông Trương Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị D trình bày:*

Ngày 09/5/2018, vợ chồng ông L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V 01 thửa đất số 256, tờ bản đồ số 21, diện tích 465m<sup>2</sup>, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và tường rào xây cao 02m bao quanh lô đất. Địa chỉ thửa đất thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số BB 225189 ngày 19/5/2011 cho bà N, ông V.

Sau khi hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V thì Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận QSD đất số CM 321510 ngày 25/5/2018 cho gia đình ông. Ông L khẳng định ông không lấn chiếm đất của gia đình ông T, bà C vì nguồn gốc đất này trước đây bà N, ông V nhận chuyển nhượng của ông Võ Quốc B, thì đất đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 256, tờ bản đồ số 21, diện tích 465m<sup>2</sup>, ngày 31/5/2007 cho ông B. Hiện nay đất của gia đình ông đang sử dụng có tứ cận và diện tích đúng như trong giấy chứng nhận QSD đất mà ông được cấp.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Võ Quốc B, bà Trần Thị T trình bày: Năm 1990 ông, bà khai hoang và sử dụng đất ổn định, đến năm 2000 thì UBND huyện B Quyết định cấp đất cho gia đình có chiều ngang mặt đường khoảng 15m, chiều dài 93m, chiều ngang phía sau không xác định (Chưa có giấy chứng nhận QSD đất). Cuối năm 2004 ông B, bà T chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn V1 10m đất mặt đường (Hai bên chỉ làm giấy viết tay). Đầu năm 2005 bà L1, ông V1 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N1 06m đất mặt đường; ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C 04m đất mặt đường, đến ngày 15/3/2005 thì hộ ông N1 và hộ ông T được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Ông Võ Quốc B cũng cho rằng ông không chuyển nhượng đất cho ông T, bà C, chữ viết và chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/12/2004 với ông Vũ Văn T không phải là chữ viết và chữ ký của ông B. Cuối năm 2004 ông chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1 10m đất mặt đường, sau đó ông B về quê thì bà L1 gọi điện thoại cho ông B nói gửi Quyết định cấp đất, sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân vào để bà L1 làm thủ tục tách thửa và giấy chứng nhận QSD đất cho ông T và ông N1, ông không đo đạc cắm mốc và giao đất cho ông T.

Sau khi chuyển nhượng, tách thửa cho ông N1 và ông T thì thửa đất 256 của ông B còn lại 465m<sup>2</sup> được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 475035 ngày 15/3/2005, nhưng không có đất thổ cư (Đất ở) do đó đến năm 2006 ông đã làm đơn khiếu nại nên ngày 31/5/2007 UBND huyện B ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số AB 475035 ngày 15/3/2005 và cấp lại cho gia đình ông B giấy chứng nhận QSD đất mới số AH 498005 ngày 31/5/2007 có 200m<sup>2</sup> đất thổ cư (Đất ở).

Năm 2011 ông B, bà T chuyển nhượng thửa đất số 256, diện tích 465m<sup>2</sup> được UBND huyện B cấp lại năm 2007 cho bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V. (Theo hợp đồng chuyển nhượng thì ông B, bà T chuyển nhượng cho bà N, ông V chiều ngang mặt đường 05m, chiều dài 93m, chiều ngang phía sau cuối lô đất 05m, diện tích 465m<sup>2</sup>) thì giấy chứng nhận QSD đất được sang tên cho bà N, ông V và bà N, ông V đã xây nhà cấp 4 và tường rào bao quanh, cao 02m, dài hết lô đất là 93m.

Năm 2018 bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V chuyển nhượng lô đất và nhà nêu trên cho ông Trương Văn L, bà Trịnh Thị D thì giấy chứng nhận QSD đất được sang tên cho ông L, bà D (Sau khi nhận chuyển nhượng ông L, bà D đến ở không xây dựng gì thêm).

- Bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 21/4/2011 bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Võ Quốc B, bà Trần Thị T 01 thửa đất số 256, tờ bản đồ số 21, diện tích 465m<sup>2</sup>. Địa chỉ thửa đất thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và đất đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số AH 498005 ngày 31/5/2007 cho ông B.

Sau khi hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông B thì UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số BB 225189 ngày 19/5/2011 cho gia đình bà N. Đến tháng 02/2012 thì gia đình bà đã xin cấp giấy phép xây dựng nhà, đã được UBND huyện B cấp giấy phép xây dựng. Trong quá trình xây nhà và tường rào bao quanh hết lô đất khoảng 09 tháng, không có ai tranh chấp, ý

kiến gì và mãi đến năm 2018 khi chuyển nhượng cho ông L cũng không có ai tranh chấp.

Ngày 09/5/2018, vợ chồng bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn L, bà Trịnh Thị D thửa đất số 256, tờ bản đồ số 21, diện tích 465m<sup>2</sup>, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và tường rào xây cao 02m bao quanh lô đất. Địa chỉ thửa đất thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số BB 225189 ngày 19/5/2011.

- Ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Khoảng tháng 10/2004 bà L1, ông V1 có nhận chuyển nhượng của ông Võ Quốc B và bà Trần Thị T 10m đất mặt đường, chiều dài khoảng 90m, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 do ông B xây dựng; địa chỉ thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Hai bên chỉ làm giấy viết tay). Đến cuối tháng 12/2004 thì chuyển nhượng lại cho Ông Vũ Văn T 04m chiều ngang, chiều dài khoảng 90m; ông Nguyễn V1 và N1 06m đất chiều ngang, chiều dài khoảng 90m, trên đất có 01 nhà xây cấp 4. Nhưng khi làm hợp đồng chuyển nhượng đất thì từ tên ông Võ Quốc B sang cho Ông Vũ Văn T và ông Nguyễn Văn N1, sau đó UBND huyện B đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông T và ông N1. Hiện nay ông T, bà C khởi kiện anh Trương Văn L lấn chiếm đất như thế nào thì ông bà không biết nên không có ý kiến gì.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã quyết định:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 97, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158 và Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 164, Điều 174 và Điều 175 Bộ luật dân sự;

Điều 22, Điều 166, Điều 167, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C, về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Văn L trả lại diện tích đất đã bị mất khoảng 100m<sup>2</sup> (Chiều ngang giáp đường tỉnh lộ 0,15m; dài 95m; chiều ngang cuối lô đất 1,80m).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngày 29/9/2020, nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông bà cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông bà, bởi vì theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ABG 75033, thửa số 256b, tờ bản đồ 21a do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15/3/2005 có diện tích đất là 372m<sup>2</sup> và qua thực tế Tòa án và các ngành của huyện đã xác định phần đất của gia đình ông bà phía trước thiếu 0,20m, phía sau thiếu 1,8m; do đó Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ diện tích thiếu của gia đình ông bà để trả lại diện tích cho ông bà là không công bằng, không đúng thực tế; vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, buộc ông Trương Văn L và những người có nghĩa vụ liên quan trả lại diện tích đất mà hiện tại gia đình ông bà còn thiếu.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C trong hạn luật định và nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C, thấy rằng:

Diện tích đất hiện nay các đương sự tranh chấp có nguồn gốc ông Võ Quốc B, bà Trần Thị T khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1990; ngày 16/5/2000 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 306/QĐ-UB về cấp cho ông Võ Quốc B tại thửa đất số 256, diện tích 920m<sup>2</sup> đất, trong đó 400m<sup>2</sup> đất ở, 520m<sup>2</sup> đất màu; ngày 28/6/2004 Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Quốc B, tại thửa đất số 256, diện tích 1465 m<sup>2</sup> đất, trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở, 1265m<sup>2</sup> đất trồng cây khác.

- Ông Võ Quốc B, bà Trần Thị T cho rằng: Cuối năm 2004 ông bà có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn V1 10m đất mặt đường (Hai bên chỉ làm giấy viết tay). Đầu năm 2005 bà L1, ông V1 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N1 06m đất mặt đường; ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C 04m đất mặt đường, đến ngày 15/3/2005 thì hộ ông N1 và hộ ông T được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/4/2011 ông Võ Quốc B, bà Trần Thị T chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 21a, diện tích 465m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V.

- Bà Nguyễn Thị N cho rằng: Ngày 09/5/2018 vợ chồng bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà vợ chồng bà đã nhận chuyển nhượng của ông B, bà T cho ông Trương Văn L, bà Trịnh Thị D, diện tích 465m<sup>2</sup>, trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và tường rào xây cao 02m bao quanh lô đất.

- Ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C cho rằng: Năm 2004 ông bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn V1 01 lô đất chiều ngang 04m, chiều dài 93m và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 473033 ngày 15/3/2005 cho hộ ông Vũ Văn T, thuộc thửa đất số 256b, tờ bản đồ số 21a, diện tích 372m<sup>2</sup> (Trong đó có 100m<sup>2</sup> đất thổ cư, 272m<sup>2</sup> đất nông nghiệp), đất tọa lạc tại thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2018 ông bà có mới điều kiện xây nhà thì phát hiện đất bị thiếu, chiều ngang mặt đường phía trước còn khoảng 3,5m (thiếu 0,5m), chiều dài 93m, chiều ngang phía sau cuối lô đất khoảng 2,1m (thiếu 1,9m). Việc thiếu đất của ông bà do ông Trương Văn L hiện đang ở đã xây chồng lên một phần diện tích đất của ông bà. Vì vậy, ông T, bà C đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn L, bà Trịnh Thị D trả lại cho gia đình ông bà diện tích đất đã bị mất khoảng 100m<sup>2</sup>, giá trị tài sản thiệt hại khoảng 50.000.000đồng.

Xét thấy: Về diện tích đất 465m<sup>2</sup> (ngang 5m x dài 93m) của ông Trương Văn L, bà Trịnh Thị D hiện nay đang quản lý, canh tác và sử dụng đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận QSD đất số CM 321510 ngày 25/5/2018 cho gia đình ông L, đất tọa lạc tại thôn 14, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc: Năm 1990 vợ chồng ông Võ Quốc B, bà Trần Thị T khai hoang và sử dụng ổn định; năm 2011 vợ chồng ông B, bà T chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N, ông Lê Hồng V diện tích 465m<sup>2</sup> (ngang 5m x dài 93m); ngày 09/5/2018 bà N, ông V chuyển nhượng cho ông L, bà D đã có nhà và tường xây bao quanh.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B xác định diện tích đất của ông L, bà D hiện nay đang quản lý, sử dụng trên thực tế ngang 5m và dài 95m, trên diện tích đất đã xây nhà, ranh giới đã được xây tường rào bao quanh đúng theo hiện trạng ông L, bà D nhận chuyển nhượng từ bà N, ông V.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Văn L trả lại diện tích đất đã bị thiếu khoảng 100m<sup>2</sup> (Chiều ngang giáp đường tỉnh lộ 0,15m; dài 95m; chiều ngang cuối lô đất 1,80m) là có căn cứ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông T, bà C, mà cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn không được chấp nhận đơn kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lý trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST, ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C, về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Văn L trả lại diện tích đất đã bị mất khoảng 100m<sup>2</sup> (Chiều ngang giáp đường tỉnh lộ 0,15m; dài 95m; chiều ngang cuối lô đất 1,80m).

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ mỗi người số tiền 300.000 đồng mà ông T, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2019/0000739 và Biên lai thu số AA/2019/0000738 cùng ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Văn Công Dân**